

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2022/HS-ST
Ngày 30/8/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Doanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Ngọc Túy;
2. Ông Vũ Văn Sâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Gien Ny - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 71/2022/TLST-HS ngày 11 tháng 8 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2022/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 8 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Bùi Văn T, sinh năm 1984 tại xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: thôn L, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Bùi Văn T (đã chết) và bà: Đồng Thị H, sinh năm 1963; vợ: Nguyễn Thị H1, sinh năm 1985; con: có 02 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 30/5/2022 đến nay.

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

2. Lâm Văn Đ, sinh năm 1984 tại xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: thôn L, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lâm Văn N (đã chết) và bà: Vũ Thị C, sinh năm 1964; vợ: Bùi Thị H2, sinh năm 1987; con: có 03 con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 30/5/2022 đến nay.

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Bị hại: Anh Nguyễn Thế Th, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Trú tại: thôn C, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình

Người làm chứng:

- Ông Phạm Hữu T3, sinh năm 1965 (vắng mặt)
 - Ông Nguyễn Thế T4, sinh năm 1969 (vắng mặt)
- Cùng trú tại: thôn C, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Văn T và Lâm Văn Đ có quan hệ họ hàng, T là anh vợ của Đ. Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 21/5/2022, Đ điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Locin (xe đã cũ), không có biển kiểm soát của Đ chở T mang theo bộ kích cá tới khu vực cánh đồng thôn C, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình kích cá. Khi cả hai kích cá tại nương nước giáp vườn cây cảnh của gia đình anh Nguyễn Thế Th, sinh năm 1983 ở thôn C, xã Q, huyện Q, qua ánh đèn điện ở khu vực cổng vườn, T, Đ nhìn thấy có 02 cây dành dành trồng trong vườn có đặc điểm: một cây cao 2,7m, đường kính thân 20cm, tán rộng 02m (cây to); một cây cao 3,5m, đường kính thân 15cm, tán rộng 01m (cây nhỏ). T nảy sinh ý định trộm cắp 02 cây dành dành trên về trồng nên nói với Đ: *“Anh em mình về cắt kích rồi quay lại lấy 2 cây dành dành này về chơi”*. Đ đồng ý, điều khiển xe mô tô chở T về nhà T cắt kích. T vào bếp lấy 01 chiếc thuổng bằng kim loại dài 1,33 mét của gia đình. Sau đó, Đ điều khiển xe mô tô chở T ngồi sau cầm thuổng đi tới khu vực đường bờ ruộng cách vườn cây của anh Th khoảng 200m thì dừng lại. Đ dựng xe ở bờ ruộng rồi cùng T cầm theo chiếc thuổng đi bộ qua cầu tới vườn cây của anh Th. T, Đ bước qua hàng rào bằng dây thép cao 01 mét vào trong vườn. T cầm theo thuổng đi tới vị trí trồng cây dành dành to ở góc đầu vườn, Đ đi tới vị trí cây dành dành nhỏ trồng ở góc cuối vườn, cách T 10 mét. Đ hai tay bám vào thân cây lung lay mạnh nhiều lần làm cây bật gốc lên. Đ đặt cây dành dành lên vai, bước qua hàng rào theo lối cũ ra ngoài để cây dành dành ở đường bờ ruộng cách vườn cây khoảng 50 mét rồi quay lại chỗ T. Trong lúc Đ lấy cây dành dành nhỏ thì T dùng tay lung lay mạnh cây dành dành to nhưng do rễ cây bám chắc vào đất nên không lay được. Khi Đ quay lại chỗ T, T hai tay cầm thuổng đào 3-4 nhát xung quanh gốc cây để đất tơi ra rồi T, Đ bám 2 tay vào thân cây lung lay mạnh làm bật gốc cây lên. Đ đặt phần ngọn cây lên vai phải, tay trái cầm theo thuổng đi trước, T đặt phần gốc cây lên vai trái đi sau, cả hai khiêng cây qua hàng rào theo lối cũ tới chỗ Đ đặt cây dành dành nhỏ. Do thấy tiếng chó sủa ở vườn cây, nghi có trộm nên anh Th đã cầm đèn pin ra vườn soi thì phát hiện bị mất hai cây dành dành. Anh đã gọi điện thoại cho ông Phạm Hữu T3, sinh năm 1965 và ông Nguyễn Thế T4, sinh năm 1969 là cậu và chú của anh, ở cùng thôn ra trợ giúp anh bắt trộm. Thấy có tiếng chó sủa, ánh đèn pin từ vườn cây của anh Th, sợ bị bắt nên T bảo Đ vứt 2 cây dành dành và chiếc thuổng lại rồi bỏ chạy. T đi bộ lên đường đá trước còn Đ điều khiển xe mô tô lên đường sau. Khi T, Đ lên đường đá thì bị anh Th, ông T4, ông T3 chặn xe, đưa T, Đ, 02 cây dành dành cùng chiếc thuổng và xe mô tô về trụ sở Công an xã

Quỳnh Mỹ, huyện Quỳnh Phụ làm việc. Tại đây, T, Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp 02 cây dành dành như đã nêu trên. Công an xã Quỳnh Mỹ đã quản lý của T, Đ 01 chiếc thuổng; 01 xe mô tô và 02 cây dành dành T, Đ vừa trộm cắp. Ngày 22/5/2022, Công an xã Quỳnh Mỹ, huyện Quỳnh Phụ đã bàn giao hồ sơ và vật chứng vụ án cho Công an huyện Quỳnh Phụ giải quyết theo thẩm quyền.

Bản kết luận định giá tài sản số 14/KL-HĐĐGTS ngày 25/5/2022 do Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự kết luận: 01 (một) cây dành dành cao 2,7m, tán rộng 02m, đường kính thân 20cm, trị giá 7.500.000 đồng; 01 (một) cây dành dành cao 3,5m, tán rộng 01m, đường kính thân 15cm, trị giá 4.500.000 đồng. Tổng trị giá tài sản là 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng).

Cáo trạng số 78/CT-VKSQP ngày 10/8/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình đã truy tố Bùi Văn T và Lâm Văn Đ về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Các bị cáo Bùi Văn T và Lâm Văn Đ khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung đã nêu trong bản Cáo trạng và phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Bùi Văn T và Lâm Văn Đ về tội “Trộm cắp tài sản”. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Bùi Văn T từ 12 tháng đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Xử phạt bị cáo Lâm Văn Đ từ 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao các bị cáo cho UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án Hình sự năm 2019. Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 BLHS. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo. Ngoài ra đề nghị nghĩa vụ nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Trong phần tranh luận các bị cáo không có ý kiến tranh luận với Kiểm sát viên. Các bị cáo nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Quỳnh Phụ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Xét thấy, lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra có trong hồ sơ vụ án (Bút lục số: 101-123; 124-141).

Ngoài ra hành vi phạm tội của các bị cáo còn được chứng minh bằng các tài liệu, chứng cứ sau: Biên bản vụ việc do Công an xã Quỳnh Mỹ, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình lập hồi 23 giờ 10 phút ngày 21/5/2022 (bút lục số 03-05); Biên bản tạm giữ tài sản, đồ vật, tài liệu; biên bản kiểm tra, xác định nơi xảy ra vụ việc và sơ đồ nơi xảy ra vụ việc do Công an xã Quỳnh Mỹ, huyện Quỳnh Phụ lập hồi 00 giờ; 08 giờ cùng ngày 22/5/2022; Báo cáo vụ việc của Công an xã Quỳnh Mỹ ngày 22/5/2022 (bút lục số: 06-07; 08; 11; 13); Đơn trình báo và lời khai của bị hại anh Nguyễn Thế Th (bút lục 143-148); Lời khai của người làm chứng ông Phạm Hữu T3 và ông Nguyễn Thế T4 (bút lục số 149-152; 153-156); Bản kết luận định giá tài sản số 14/KL-HĐĐGTS ngày 25/5/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình (bút lục số 30); Ngoài ra còn có lời khai của chị Nguyễn Thị Hiền, sinh năm 1985, trú tại thôn L, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình, vợ bị cáo T (bút lục số: 157-160) cùng các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án.

Từ những chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận:

Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 21/5/2022, tại vườn cây cảnh của anh Nguyễn Thế Th, sinh năm 1983 ở thôn C, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình, lợi dụng lúc đêm khuya, Bùi Văn T và Lâm Văn Đ có hành vi trộm cắp của anh Th 02 cây dành dành có đặc điểm: một cây cao 2,7m, đường kính thân 20cm, tán rộng 02 mét, trị giá 7.500.000 đồng; một cây cao 3,5 mét, đường kính thân 15cm, tán rộng 01 mét, trị giá 4.500.000 đồng; tổng trị giá 02 cây dành dành là 12.000.000 đồng. Hành vi của các bị cáo Bùi Văn T và Lâm Văn Đ đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điều 173 Bộ luật Hình sự: Tội trộm cắp tài sản

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau

đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;

.....

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo thấy rằng: Hành vi các bị cáo Bùi Văn T và Lâm Văn Đ lợi dụng đêm tối và dùng thủ đoạn lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại như đã nêu trên là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ, gây mất trật tự tại địa phương, gây tâm lý lo lắng trong quần chúng nhân dân. Do đó cần thiết phải lên cho các bị cáo mức án nhất định, tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội mà các bị cáo gây ra nhằm răn đe, giáo dục riêng đối với các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về vai trò: Đây là vụ đồng phạm giản đơn bị cáo Bùi Văn T giữ vai trò chính là người khởi xướng, chuẩn bị công cụ là chiếc thuổng, bị cáo Lâm Văn Đ có vai trò thực hành chở bị cáo T đi và trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản cùng T. Do đó mức án của bị cáo T cao hơn bị cáo Đ.

[5] Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về nhân thân: Các bị cáo có nhân thân tốt.

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo Bùi Văn T và Lâm Văn Đ không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, các bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Ngoài ra, bị hại anh Nguyễn Thế Th có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nên các bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử thấy các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, đây là lần đầu phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra, truy tố bị cáo thành khẩn khai báo, có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên không cần phải bắt các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù chỉ cần áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cho các bị cáo hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật và ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[7] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo hiện làm lao động tự do, thu nhập không ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

Đối với 02 cây dành dành, ngày 31/5/2022, Cơ quan điều tra Công an huyện Quỳnh Phụ đã trả lại cho anh Nguyễn Thế Th, anh Th không yêu cầu hai bị cáo phải bồi thường khoản tiền nào cho anh. Đối với 01 chiếc thuổng bằng kim loại, các bị cáo dùng làm công cụ trộm cắp tài sản, qua điều tra xác định là tài sản của chị Nguyễn Thị Hiền, sinh năm 1985, trú tại thôn L, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình, vợ bị cáo T. Việc T, Đ sử dụng chiếc thuổng đi trộm cắp tài sản chị Hiền không biết, do đó cơ quan điều tra không xử lý hành vi của chị Hiền và đã trả lại chiếc thuổng cho chị Hiền. Chị Hiền đã nhận lại chiếc thuổng và không có yêu cầu đề nghị gì nên không đặt ra giải quyết.

Đối với chiếc xe mô tô không biển kiểm soát, bị cáo T, Đ sử dụng đi trộm cắp tài sản là xe do bị cáo Đ mua của một người đàn ông không rõ tên, địa chỉ vào năm 2017 (việc mua bán không có giấy tờ). Số khung, số máy của chiếc xe đã bị đục, tẩy xóa nên cơ quan điều tra không xác định được nguồn gốc chiếc xe, do đó cơ quan điều tra tiếp tục quản lý chiếc xe để xác minh là có căn cứ.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[10] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Bùi Văn T và Lâm Văn Đ phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Về hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Bùi Văn T 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Lâm Văn Đ 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án Hình sự năm 2019. Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp

hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật Hình sự. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo, mỗi người phải nộp 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (30/8/2022); bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc niêm yết, tổng đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ; VKSND tỉnh Thái Bình;
- Công an huyện Quỳnh Phụ;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- Ủy ban nhân dân xã Q;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Quốc Doanh

